

Số: 24/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14, Luật số 62/2020/QH14 và Luật số 95/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung của Nghị quyết về phân loại đô thị;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 891/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2024 về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 1123/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2026 về phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Quảng Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075;

Căn cứ Quyết định số 836/QĐ-BXD ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 2536/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2026, Báo cáo số 255/BC-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 129/BC-HĐND ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, với một số nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu

a) Phát triển hệ thống đô thị Quảng Ninh phù hợp và thống nhất với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn; Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng; Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch chung đô thị Quảng Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075; Kế

hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 và các quy hoạch có liên quan đến phát triển đô thị và định hướng chiến lược, khả năng huy động nguồn lực thực tế của địa phương.

b) Xây dựng phát triển thành phố Quảng Ninh hiện đại, thông minh, xanh và bền vững, vừa là cực tăng trưởng quốc gia; tạo động lực phát triển đột phá trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc và phát triển bền vững về dài hạn, có sức hút lan tỏa, khả năng cạnh tranh quốc tế; phát triển cân bằng giữa kinh tế - xã hội - môi trường; là hình mẫu về quản trị phát triển đô thị bền vững có bản sắc, bảo vệ tài nguyên và thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Đô thị Quảng Ninh phát triển theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả; thúc đẩy phát triển các mô hình tăng trưởng xanh, đô thị thông minh, bền vững và có khả năng chống chịu thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu trên cơ sở phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế so sánh của đô thị biển - biên giới - di sản; là cực tăng trưởng quốc gia, tăng cường liên kết tạo động lực phát triển vùng, có sức hút lan tỏa, khả năng cạnh tranh quốc tế; nâng cao vai trò, vị trí chiến lược của Quảng Ninh trong hệ thống đô thị quốc gia và khu vực.

d) Phát triển tích hợp biển - biên giới - di sản - đô thị thành một hệ sinh thái hoàn chỉnh; cửa ngõ quốc tế hàng đầu Việt Nam, tạo nền tảng không gian và cơ sở hạ tầng cho phát triển các đô thị, dịch vụ, kinh tế biển, công nghiệp công nghệ cao; gắn với đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh; nâng cao năng lực liên kết vùng, kết nối quốc gia, quốc tế, đảm bảo quốc phòng - an ninh và hợp tác quốc tế.

2. Định hướng

a) Phát triển Quảng Ninh là đô thị loại I, thành phố văn minh, hiện đại, đời sống nhân dân phát triển toàn diện về mọi mặt, hài hòa giữa khu vực đô thị và nông thôn, giữa các trung tâm và vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; là cực tăng trưởng bền vững của vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng động lực phía Bắc; một trung tâm phát triển năng động, tiên phong hàng đầu trong các ngành kinh tế mới với mô hình quản trị hiện đại; trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển mạnh của quốc gia, trung tâm kinh tế đô thị gắn với di sản thiên nhiên, văn hóa thế giới; là cửa ngõ kết nối quốc tế của cả nước, của khu vực ASEAN với Trung Quốc; đô thị phát triển theo hướng xanh, thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu và nước biển dâng, hệ thống đô thị tích hợp đa cực, đa trung tâm, đa tầng, đa hướng, đa lớp, đa chức năng, đảm bảo liên kết với khu vực nông thôn; là khu vực phòng thủ vững chắc về quốc phòng - an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế.

b) Mô hình cấu trúc chuỗi đô thị đa cực, đa trung tâm, đa tầng, đa lớp; phát triển tích hợp biển, đảo, biên giới, di sản, đô thị gồm: 03 hành lang (hành lang đô thị ven biển, hành lang biển đảo; hành lang sinh thái đồi núi); 04 phân vùng ((1) Vùng đô thị phía Tây, gồm: Hạ Long, Cẩm Phả, Quảng Yên, Đông Triều, Uông Bí; (2) Vùng đô thị phía Đông gồm: Móng Cái, Quảng Hà, Đàm Hà, Tiên Yên; (3) Vùng đô thị biển đảo, gồm Vân Đồn, Cô Tô, Vịnh Hạ Long; (4) Vùng đồi núi phía Bắc); 05 trung tâm động lực (gồm các đô thị: Hạ Long, Móng Cái, Vân Đồn, Quảng Yên và Di sản Yên Tử - Vịnh Hạ Long).

c) Tạo lập nền tảng không gian phát triển tích hợp đô thị, biển, đảo, biên giới, di sản thành một hệ sinh thái hoàn chỉnh, hệ thống hạ tầng đồng bộ, đa phương thức theo hướng hiện đại, tập trung vào hạ tầng số, hạ tầng đô thị thông minh, gắn kết với điều kiện sống tốt, dịch vụ chất lượng cao, xây dựng xã hội văn minh, hạnh phúc.

3. Một số chỉ tiêu chính về phát triển đô thị đến năm 2030

- Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt trên 75%;
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 100%;
- Diện tích nhà ở bình quân đầu người khoảng 36 m²/người;
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt trên 95%;
- Đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người tối thiểu đạt 2 m²/người.

- Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt khoảng 16 - 25%; mật độ đường giao thông đô thị tối thiểu đạt 6 km/km²; tỷ lệ đường cấp khu vực và đường cấp nội bộ được chiếu sáng đạt 100%;

- Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt trên 99%; Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đạt trên 85%.

- Mật độ đường cống thoát nước chính tối thiểu đạt 3,5 km/km²;
- Tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu đô thị tập trung đạt 100%;
- Tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn xả thải ra môi trường đạt 100%.
- Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải rắn sinh hoạt đô thị và các xã đảo, các xã có hoạt động du lịch, dịch vụ đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt trên 99%;
- Diện tích cây xanh công cộng đô thị khoảng 6 - 10 m²/người;
- Kinh tế đô thị đóng góp GRDP của tỉnh khoảng 96,6%; tỷ trọng kinh tế số chiếm khoảng 30% GRDP của tỉnh.

4. Lộ trình công nhận các đô thị

- Năm 2026, Quảng Ninh đạt tiêu chí đô thị loại I, gồm 13 đô thị, trong đó đô thị Hạ Long mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại II (gồm 17 phường: Quang Hanh, Cẩm Phả, Cửa Ông, Tuần Châu, Việt Hưng, Bãi Cháy, Hà Tu, Hà Lâm, Cao Xanh, Hồng Gai, Hạ Long, Đông Mai, Hiệp Hòa, Quảng Yên, Hà An, Phong Cốc, Liên Hòa thuộc các đô thị Hạ Long, Cẩm Phả và Quảng Yên); 12 đô thị đạt tiêu chí đô thị loại III (Đô thị Uông Bí, Đô thị Đông Triều, Đô thị Móng Cái, Đô thị Quảng Hà, Đô thị Đầm Hà, Đô thị Tiên Yên, Đô thị Bình Liêu, Đô thị Ba Chẽ, Đô thị Cái Rồng - Vân Đồn, Đô thị Cô Tô, Đô thị Hoàn Kiếm, Đô thị Mông Dương).

- Đến năm 2030, Quảng Ninh là đô thị loại I; hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh định hướng phát triển gồm các đô thị loại II, đô thị loại III và các đô thị mới với 07 khu vực đạt trình độ đô thị loại II bao gồm: Hạ Long, Cẩm Phả, Quảng Yên, Uông Bí, Đông Triều, Móng Cái, Vân Đồn; 06 khu vực đạt tiêu chí đô thị loại III (Quảng Hà, Đầm Hà, Tiên Yên, Bình Liêu, Ba Chẽ, Cô Tô).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục rà soát, hoàn thiện hồ sơ và tổ chức phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030 theo đúng quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của số liệu, hồ sơ và các nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực, các ban, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XV, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2026 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./*st*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Xây dựng (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ10.*st*

CHỦ TỊCH

Trịnh Thị Minh Thanh